TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT
Ngày 28-3-2019
Về việc: Tranh chấp lối đi chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên
Bà Phạm Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp lối đi chung*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST, ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT ngày 05-3-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Ông Phạm Văn T – Có mặt.

Địa chỉ: Bon Ja Lú B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn T: Luật sư Phương Ngọc D – Văn phòng luật sư V chi nhánh tại Tây Nguyên – Có mặt.

Địa chỉ: Số 278, đường Tôn Đức Thắng, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị L – Có mặt.

Địa chỉ: Bon Ja Lú B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- Bà Phạm Thị C – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện T: Ông Hoàng Ngọc T – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T – Văn bản uỷ quyền ngày 15-3-2019 – Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Văn Công T – Cán bộ địa chính xã Q1, huyện Tuy Đức – Vắng mặt.

Địa chỉ: Uỷ ban nhân dân xã Q1, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ khác: Thôn 8, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- Ông Phạm Hoàng Q – Cán bộ địa chính xã Đ1, huyện T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Uỷ ban nhân dân xã Đ1, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- Ông Đỗ Văn T – Vắng mặt.
- Ông Vũ Hữu Q – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon Ja Lú B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- Bà Cao Thị L – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Ja Lú A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn M trình bày: Con đường đang tranh chấp có chiều ngang 2,5m, chiều dài khoảng 64m, tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T; Phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn T; Phía Nam giáp đường thôn; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn M đã hình thành từ trước năm 2005, được các hộ gia đình sử dụng chung. Trước đây con đường này nằm giữa đất của ông Đỗ Văn T và phần đất ông Đỗ Văn T tự khai hoang thêm. Đến năm 2005, ông Đỗ Văn T chuyển nhượng phần đất khai hoang thêm này cho bà Nguyễn Thị T thì bà Nguyễn Thị T không cho hộ ông Hoàng Văn M sử dụng con đường này để đi vào rẫy. Ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị T đã được Uỷ ban nhân dân xã Q hoà giải và đã đi đến thống nhất mở ra con đường đi chung có chiều ngang 2,5m như hiện nay để các bên sử dụng chung. Việc hoà giải được lập thành biên bản, có cắm mốc thực địa con đường. Ông Hoàng Văn M sử dụng con đường đến năm 2017 thì ông Phạm Văn T (Người nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị T) đã rào lại con đường không cho gia đình ông Hoàng Văn M sử dụng, đồng thời khởi kiện tại Toà án về tranh quyền sử dụng đất đối với diện tích con đường. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn T đã rút đơn khởi kiện. Vì vậy, ông Hoàng Văn M đã làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Toà án buộc ông Phạm Văn T trả lại con đường đi chung.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Năm 2006 vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T (Mẹ vợ ông Phạm Văn T) một thửa đất diện tích 6000m2 toạ lạc tại Bon Ja Lú B, xã Q, huyện T. Ông bà sử dụng đất ổn định đến ngày 08-12-2009 thì được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số H 88335 đối với thửa đất nêu trên. Năm 2012 ông Hoàng Văn M tự ý dùng máy múc làm đường đi qua rẫy ông Phạm Văn T nên ông Phạm Văn T đã rào lại con đường, không đồng ý cho ông Hoàng Văn M sử dụng. Do diện tích con đường nằm

hoàn toàn trong phần đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm Văn T nên ông Phạm Văn T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C (Vợ ông Hoàng Văn M) trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Hoàng Văn M và không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L (Vợ ông Phạm Văn T) trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Phạm Văn T và không bổ sung gì thêm.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện T trình bày: Hộ ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L được cấp GCNQSDĐ số H 88335 chồng lấn lên con đường đi chung của các hộ gia đình là do khi kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L kê khai cả con đường đi chung. Uỷ ban nhân dân huyện T sẽ điều chỉnh GCNQSDĐ đất số H88335 đã cấp cho ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L theo quyết định của Toà án.

Người làm chứng ông Vũ Hữu Q, ông Văn Công T, ông Phạm Hoàng Q là những người trực tiếp hoà giải việc tranh chấp đường đi giữa bà Nguyễn Thị T với ông Hoàng Văn M đều trình bày: Vào năm 2005 giữa ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị T có tranh chấp về con đường đi chung mà hiện nay ông Phạm Văn T đã rào lại không cho ông Hoàng Văn M sử dụng. Chính quyền địa phương đã hoà giải thành giữa ông Hoàng Văn M với bà Nguyễn Thị T và cắm mốc thực địa con đường đi chung vào năm 2005.

Người làm chứng ông Đỗ Văn T trình bày: Con đường mòn đi chung đã có từ trước đây. Khi chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị T thì ông không chuyển nhượng con đường đi này cho bà Nguyễn Thị T.

Người làm chứng bà Cao Thị L trình bày: Giáp ranh đất ông Đỗ Văn T chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T vào năm 2005 đã có con đường mòn đi qua từ trước đây. Bà Cao Thị L vẫn sử dụng con đường mòn để đi vào rẫy, sau đó bà Cao Thị L chuyển nhượng đất rẫy của mình cho ông Hoàng Văn M.

Tại bản án số: 07/2018/DS-ST ngày 26-10-2018 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức đã: Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 200; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Hoàng Văn M.

- Buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L phải trả lại con đường đi chung diện tích 118,5m2, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T dài 56,3m; Phía Tây giáp thửa đất số 19 dài 54m; Phía Nam giáp đường thôn dài 2,5m; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn M dài 2,5m (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Uỷ ban nhân dân huyện T phải điều chỉnh GCNQSDĐ số H88335 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 08-12-2009 đứng tên ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L đối với phần cấp chồng lấn lên con đường đi chung diện tích 118,5m2 nêu trên.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06-11-2018 bị đơn ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự trình bày nội dung như tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L trả lại con đường đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T yêu cầu Toà án bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn M về việc yêu cầu buộc vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L trả lại con đường đi chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Con đường đang tranh chấp có nguồn gốc là con đường mòn đã hình thành từ trước năm 2005, được các hộ ông Đỗ Văn T, hộ ông Hoàng Văn M, hộ bà Cao Thị L sử dụng chung để đi vào rẫy. Trước đây con đường này nằm giữa đất của ông Đỗ Văn T và phần đất ông Đỗ Văn T tự khai hoang thêm. Sau khi hộ bà Cao Thị L chuyển nhượng phần đất của mình cho hộ ông Hoàng Văn M và hộ ông Đỗ Văn T chuyển nhượng phần đất khai hoang thêm cho bà Nguyễn Thị T thì bà Nguyễn Thị T không cho hộ ông Hoàng Văn M sử dụng con đường này để đi vào rẫy cho nên ông Hoàng Văn M đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vụ việc trên. Tại Biên bản hoà giải tranh chấp đường đi ngày 30-6-2005 của Ban tự quản thôn 6 nay là bon Ja Lú B, Biên bản xác minh thực địa giải quyết tranh chấp đất đai ngày 30-8-2005 (BL 49, 52) Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện T đã hoà giải sự việc tranh chấp giữa hộ bà Nguyễn Thị T và hộ ông Hoàng Văn M, kết quả đi đến thống nhất bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn T trừ lại con đường đi chung có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ đường liên thôn đến hết đất bà Nguyễn Thị T để sử dụng chung, có cắm mốc thực địa. Từ đó đến năm 2017 ông Hoàng Văn M sử dụng con đường để đi vào rẫy, không phát sinh tranh chấp.

Lời khai của những người làm chứng ông Vũ Hữu Q, ông Văn Công T, ông Phạm Hoàng Q là những người trực tiếp hoà giải việc tranh chấp đường đi giữa bà Nguyễn Thị T với ông Hoàng Văn M đều xác định có việc hoà giải thành giữa các bên và cắm mốc thực địa con đường đi chung (BL 60, 118, 150).

Lời khai của ông Đỗ Văn T là người chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị T và lời khai của bà Cao Thị L là người chuyển nhượng đất cho ông Hoàng

Văn M đều xác định con đường mòn đi vào rẫy ông Hoàng Văn M đã có từ trước và ông Đỗ Văn T không chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T con đường đi này (BL 55, 149)

Đối với hộ ông Phạm Văn T nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị T (Mẹ vợ ông Phạm Văn T) vào năm 2006 là sau thời điểm hình thành con đường. Việc Uỷ ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ số H88335 ngày 08-12-2009 đứng tên ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L bao gồm diện tích con đường đi chung là chưa phù hợp với thực tế sử dụng đất. Vì vậy, Uỷ ban nhân dân huyện T đã có ý kiến sẽ điều chỉnh theo quyết định của Toà án là đúng quy định pháp luật.

Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L trả lại con đường đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004594 ngày 07-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

1.2. Buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L phải trả lại con đường đi chung diện tích 118,5m2, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T dài 56,3m; Phía Tây giáp thửa đất số 19 dài 54m; Phía Nam giáp đường thôn dài 2,5m; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn M dài 2,5m (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

1.3. Uỷ ban nhân dân huyện T phải điều chỉnh GCNQSDĐ số H88335 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 08-12-2009 đứng tên ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L đối với phần đất cấp chồng lấn lên con đường đi chung diện tích 118,5m2 nêu trên.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L phải trả lại cho ông Hoàng Văn M số tiền 6.638.000đ *(Sáu triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn đồng)* ông Hoàng Văn M đã nộp tại Toà án để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000521 ngày 15-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Phạm Văn T 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn M số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000685 ngày 10-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004594 ngày 07-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND tỉnh Đăk Nông;*
- *TAND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc